| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH PHÚ THỌ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 07/2019/KDTM-PT
Ngày: 04/11/2019
*V/v: Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ.**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thùy Hương

*Các Thẩm phán*: Ông Nguyễn Trường Sơn

Bà Lê Thị Thu Huyền

*Thư ký phiên tòa*: Bà Phan Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

*Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:* Bà Đào Thị Kim Liên- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 và 04 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2019/TLPT-KDTM ngày 15 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm". Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 05/2018/KDTM-ST ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2019/QĐXXPT-KDTM ngày 18 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Vũ Hồng Q**, sinh năm 1955; HKTT: khu Phố C, xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Chỗ ở hiện nay: khu hành chính H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Xuân T, luật sư Công ty luật V, địa chỉ: P2509, sảnh C, tòa nhà I, 203 N, quận T, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Bị đơn: **Tổng công ty P.**

Tên giao dịch: Tổng công ty P. (P)

Địa chỉ: tầng 21,22 Tòa nhà M, số 229, phố T, quận Đ, TP. Hà Nội.Đại diện theo pháp luật: ông Đào Nam H, chức vụ: tổng giám đốc, đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Ngọc T, chuyên viên phòng tổng hợp tổng công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex và bà Trịnh Thị N, tr- ởng phòng bảo hiểm Hàng Hải và tài sản kỹ thuật - công ty P Phú Thọ theo giấy ủy quyền số: 21 ngày 17/01/2018. Ông T vắng mặt, bà N có mặt.

Ng- ời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng H, luật s- Văn phòng H.

Địa chỉ:số 37, BT3, khu B, phường H, Quận H, Hà Nội. (ông H vắng mặt ngày tuyên án).

Ng- ời có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: **Công ty P Phú Thọ. (P Phú Thọ)** Địa chỉ: số nhà 2094, đại lộ H, ph- ờng N, TP. Vtỉnh Phú Thọ. Đại diện theo pháp luật: ông Ngô Duy M, giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: bà Trịnh Thị N, tr- ởng phòng bảo hiểm Hàng Hải và tài sản kỹ thuật - công ty P Phú Thọ theo giấy ủy quyền số: 20/GUQ - GĐ ngày 6/6/2018. Bà N có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

***- Trong đơn khởi kiện, các lời khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Vũ Hồng Q và ng□ời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là ông Trần Xuân T trình bày:***

Ông Q có một chiếc sà lan máy dùng để chở cát và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký thủy nội địa ngày 03/01/2007. Ngày 07/11/2010, ông Q có cho ông Nguyễn Đình C thuê lại chiếc sà lan để kinh doanh chở cát với thời hạn một năm. Khi thuê hai bên có viết giấy thỏa thuận đề ngày 07/11/2010. Để đảm bảo cho quá trình lưu thông, ngày 18/11/2010 ông Q có ký hợp đồng bảo hiểm với Công ty P Phú Thọ và đã được cấp giấy chứng nhận bảo hiểm tàu thủy nội địa đối với chiếc sà lan máy PT–0967 với mức bảo hiểm tối đa cho thân tàu là 550.000.000đ, thời hạn bảo hiểm là một năm. Do không nắm rõ quy định về quy chế tàu thủy nội địa năm 2006 của P nên khi ký hợp đồng, ông Q đã không thông báo cho bảo hiểm P về việc đã cho ông C thuê lại sà lan. Đến ngày 13/8/2011, ông Q đã nhiều lần liên lạc với ông C nhưng không liên lạc được. Ông Q đã xuống nhà của ông C và cùng với gia đình ông C đi tìm kiếm ông C nhiều lần nhưng không thấy ông C cùng chiếc sà lan ở đâu. Ông Q đã trình báo chính quyền địa phương và Công ty P Phú Thọ biết. Ngày 18/9/2013, ông Q đã làm đơn đề nghị giải quyết bồi thường gửi đến Công ty P Phú Thọ. Sau khi nhận được đơn của ông Q, Công ty P Phú Thọ đã gửi công văn số: 11/PTH/CV với nội dung hướng dẫn ông Q bổ sung các thủ tục giấy tờ để hoàn thiện hồ sơ gồm: Quyết định tuyên bố người mất tích đối với ông Nguyễn Đình C; giấy đăng ký tàu hoặc giấy chứng nhận xóa tên đăng ký phương tiện của cơ quan đăng ký phương tiện PT–0967; kết luận điều tra của cơ quan công an về việc ông Nguyễn Đình C mất tích. Ngày 10/4/2015, ông Q đã giao nộp đầy đủ các giấy tờ, tài liệu theo yêu cầu của Công ty P Phú Thọ, công ty đã xác nhận đủ số tài liệu trên của ông Q. Ngày 26/11/2015, Công ty P Phú Thọ đã gửi công văn số 26 về việc giải quyết khiếu nại sà lan PT–0967 ngày 13/8/2011 với nội dung là chủ tàu đã vi phạm vào các điểm loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo quy tắc tàu thủy nội địa 2006/P áp dụng cho đơn bảo hiểm số: 70018260 ngày 18/11/2010 có hiệu lực bảo hiểm từ ngày 18/10/2010 đến ngày 18/10/2011. Theo đó, P từ chối trách nhiệm, từ chối bồi thường đối với sự mất tích của tàu PT-0967 của chủ tàu ông Vũ Hồng Q xảy ra ngày 13/8/2011. Ông Q không đồng ý với cách giải quyết của Công ty P Phú Thọ làm xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q. Khi ông Q làm hợp đồng bảo hiểm với Công ty P Phú Thọ, nhân viên bán hàng và công ty đã không giải thích rõ cho ông Q về việc khi ông Q cho ông C thuê tàu ông Q phải thông báo lại việc này cho công ty biết. Chính vì vậy, ông Q đã không thông báo vấn đề này cho công ty. Tại phiên tòa, ông Q và luật sư cho rằng: không được bên công ty bảo hiểm yêu cầu phải cung cấp giấy tờ là bằng thuyền trưởng, máy trưởng, danh sách thuyền viên, định biên thuyền viên. Phía ông

Q sau khi không liên lạc với ông C đã thông báo cho công ty bảo hiểm, đồng thời gửi đơn đến công an huyện Đ để tìm kiếm người và tàu. Ông Q đã làm thủ tục để xóa đăng ký tàu nhưng bị từ chối bảo hiểm. Phía ông Q và luật sư còn khẳng định là không cung cấp được bằng thuyền trưởng, máy trưởng và danh sách định biên thuyền viên vì đây là sự kiện bảo hiểm đặc biệt, người không còn, tàu cũng không còn. Hơn nữa, việc yêu cầu cung cấp giấy tờ này chỉ phát sinh khi có sự kiện bảo hiểm xảy ra chứ không phải khi giao kết hợp đồng nên ông Q cũng không thể biết trước để mà chuẩn bị. Đồng thời, ông Q chỉ cho ông C thuê tàu thời hạn một năm chứ không phải chuyển chủ sở hữu, vì các bên đều hiểu chuyển chủ sở hữu phải là chuyển cả quyền sử dụng, chiếm hữu và định đoạt cho ông C. Mặt khác, lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm là rất khó, hợp đồng được lập theo mẫu sẵn, ông Q khi mua bảo hiểm không được sửa chữa, thỏa thuận mà mặc nhiên phải đồng ý với những điều khoản đã soạn sẵn. Việc bán bảo hiểm cốt chỉ để thu tiền chứ không hề cho ông Q quyền thỏa thuận, không giải thích cho ông Q bất cứ nội dung gì liên quan đến việc mua bán bảo hiểm, ngay cả khi định giá tài sản bảo hiểm cũng chỉ làm qua loa, hai bên nhìn tàu mà không có cơ sở để xác định giá trị bảo hiểm. Ngoài ra, phía ông Q và luật sư cho rằng không nhận được văn bản số: 26/P/PTH/TSA/2015 ngày 26/11/2015 và công văn số 61/P/PTH/TSA ngày 02/10/2015 nhưng bản chất của vấn đề không phải việc nhận được hay chưa nhận được mà các căn cứ từ chối bảo hiểm không đúng. Do vậy, ông Q và luật sư đề nghị tòa án buộc Tổng công ty P thực hiện trách nhiệm bồi thường cho ông Q số tiền bảo hiểm với mức bồi thường là 550.000.000đ.

***- Đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty P trình bày***:

Ngày 18/11/2010, P ký kết hợp đồng bảo hiểm tàu thủy nội địa với ông Q về thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu cho tàu PT-0967, với thời hạn bảo hiểm từ ngày 18/11/2010 đến ngày 18/11/2011; số tiền bảo hiểm thân tàu tối đa là 550.000.000đ. Các điều kiện, điều khoản của hợp đồng này được áp dụng theo quy tắc bảo hiểm tàu thủy nội địa P 2006 được ban hành kèm theo quyết định số: 595/2006/QĐ–P ngày 19/12/2006 của Tổng giám đốc Tổng công ty P và các văn bản pháp luật chuyên ngành.

Ngày 22/8/2011, ông Q làm đơn gửi P Phú Thọ trình báo về tổn thất của tàu PT-0967. Tại văn bản trình báo, ông Q nêu ông đã cho ông Nguyễn Đình C thuê tàu, vào thời điểm ngày 13/8/2011 ông không liên hệ được với ông C và cũng không tìm thấy tàu. Sau khi tiếp nhận đơn trình báo, P Phú Thọ đã hướng dẫn chủ tàu thu thập hồ sơ, tài liệu cần thiết để P xem xét trách nhiệm bảo hiểm. Trong quá trình giải quyết vụ việc, chủ tàu đã cung cấp cho P Phú Thọ một số tài liệu và hai bên có một số buổi làm việc cũng như trao đổi bằng văn bản, cụ thể như sau: Đơn trình báo của chủ tàu gửi công an huyện Đ ngày 22/8/2011 và chính quyền địa phương ngày 01/9/2011; Bản kết luận điều tra theo đơn đề nghị của ông Vũ Hồng Q ngày 01/9/2012; Ngày 08/8/2013 ông Vũ Hồng Q và đại diện của P có buổi làm việc để xem xét yêu cầu bồi thường đối với tổn thất tàu. Tại buổi làm việc này P Phú Thọ nêu rõ thành phần hồ sơ hiện có chưa đáp ứng được các quy định để bồi thường; Ngày 14/11/2013, P Phú Thọ có văn bản yêu cầu ông Q yêu cầu cung cấp thêm các hồ sơ giấy tờ; Ngày 20/12/2013, P lại tiếp tục có công văn đề nghị ông Q thực hiện theo hướng dẫn bổ sung hồ sơ tại công văn ngày 14/11/2013 của bảo hiểm P; Ngày 10/6/2014, ông Q có gửi đơn đề nghị xin tạm ứng tiền; Ngày 03/11/2014 , P Phú Thọ

có văn bản trả lời ông Q về việc P chưa trả tiền bồi thường do thành phần hồ sơ chưa đáp ứng được yêu cầu; Ngày 10/4/2015, ông Q nộp bổ sung các giấy tờ liên quan theo công văn theo yêu cầu của P; Ngày 03/11/2014, ngày 02/10/2015, P Phú Thọ yêu cầu ông Vũ Hồng Q cung cấp bổ sung danh sách thành viên, bằng thuyền trưởng, máy trưởng điều hành tàu tại thời điểm xảy ra sự cố trên; Ngày 07/10/2015, ông Q có văn bản trả lời ông không cung cấp được tài liệu về danh sách thuyền viên, bằng thuyền trưởng, máy trưởng theo yêu cầu của P Phú Thọ; Ngày 26/11/2015, P Phú Thọ có văn bản chính thức từ chối bồi thường đối với sự cố mất tích tàu PT-0967; Ngày 04/8/2016 P Phú Thọ đã có buổi làm việc với luật sư đại diện của chủ tàu . Tại buổi làm việc này P Phú Thọ vẫn giữ nguyên quan điểm giải quyết khiếu nại theo công văn số 26/P/PTH/TSA/2015 ngày 26/11/2015 về "Thông báo từ chối bồi thường "; Ngày 15/11/2017 P Phú Thọ nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án số 25/2017/TB-TLVA ngày 10/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố V. Căn cứ từ chối của P: Thứ nhất, chủ tàu không tuân thủ theo quy định của pháp luật liên quan: Theo quy định của Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004 chủ tàu có nghĩa vụ và/hoặc tuân thủ: (i) phải bảo đảm thông suốt, trật tự, an toàn cho người, phương tiện, tài sản và bảo vệ môi trường; (ii) Đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 mã lực, phương tiện có sức chở trên 12 người, khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải bảo đảm có đủ định biên thuyền viên và danh bạ thuyền viên; (iii) Chức danh thuyền viên trên phương tiện bao gồm thuyền trưởng, thuyền phó, máy trưởng, thủy thủ, thợ máy. Chủ phương tiện có trách nhiệm bố trí đủ các chức danh, định biên thuyền viên làm việc trên phương tiện và lập danh bạ thuyền viên theo quy định. Theo quy định trên, chủ tàu phải nghĩa vụ đảm bảo an toàn cho người và phương tiện; khi vận hành tàu phải đảm bảo đủ định biên thuyền viên và danh bạ thuyền viên cũng như phải bố trí đầy đủ các chức danh thuyền trưởng, máy trưởng theo quy định. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại, chủ tàu không cung cấp được các giấy tờ, tài liệu, chứng cứ chứng minh đã thực hiện đầy đủ quy định trên. Điều này chứng tỏ chủ tàu đã vi phạm các quy định pháp luật về giao thông đường thủy nội địa. Thứ hai, chủ tàu đã không cung cấp đủ các chứng từ, tài liệu theo Quy tắc bảo hiểm dẫn đến quyền lợi của người được bảo hiểm không được công nhận. Theo quy định tại điều 26 Quy tắc quy định về hồ sơ khiếu nại bồi thường thì khi yêu cầu bồi thường, người được bảo hiểm phải cung cấp cho P 12 loại chứng từ, trong đó tại mục 5 quy định người được bảo hiểm phải cung cấp bằng thuyền trưởng, máy trưởng , chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên. Do ông Q không cung cấp được bằng thuyền trưởng, máy trưởng, danh sách thuyền viên dẫn đến thành phần hồ sơ yêu cầu bồi thường không đảm bảo theo quy định. Điều này hoàn toàn được coi là việc khi vận hành tàu không có thuyền trưởng, máy trưởng dẫn đến thuộc một trong các điểm loại trừ theo quy định tại điều 6 – Quy Tắc. Khi thay đổi mục đích chủ tàu không thông báo cho P biết. Việc không thông báo của người được bảo hiểm vi phạm khoản a, điều 4, điều 12 Quy Tắc. Điều khoản này quy định về chấm dứt hiệu lực bảo hiểm trong trường hợp Tàu được chuyển chủ trừ khi Chủ Tàu đã thông báo cho P và được P chấp thuận bằng văn bản. Theo hồ sơ ông Q cung cấp cho P Phú Thọ thì ngay sau khi ông Q tham gia bảo hiểm cho Tàu, ông Q giao kết hợp đồng cho thuê tàu với ông Nguyễn Đình C. Điều này chứng tỏ ông Q đã giao quyền quản lý khai thác Tàu cho người khác. Thông tin về thời điểm mất tích của ông C bất nhất giữa khai báo của ông Q và xác

nhận tại Biên bản kiểm tra nhân khẩu, hộ khẩu của công an xã L. Theo trình báo của ông Q, thì ông Q không thể liên lạc được với ông C từ ngày 13/8/2011 trong khi đó theo Biên bản kiểm tra nhân khẩu, hộ khẩu của công an xã L xác nhận từ khoảng tháng 8/2011 đến tháng 7/2012 ông C có điện thoại về cho bà N dặn dò bà N trông nom con. Việc ông Q không liên hệ được với ông C từ thời điểm tháng 8/2011 đến tháng 7/2012 ông C vẫn liên lạc bằng điện thoại về cho vợ chứng tỏ đây là hành động cố ý của ông C. Hành động này vi phạm điểm 1, điều 6 Quy tắc. Điều khoản này quy định như sau P không chịu trách nhiệm bồi thường nếu tổn thất xảy ra có thể trực tiếp hoặc gián tiếp được quy hợp lý bởi những nguyên nhân sau: "Hành động cố ý hoặc cẩu thả của người được bảo hiểm hoặc người thừa hành như Người đại lý, đại diện hoặc thuyền trưởng, sỹ quan và thuyền viên". Chủ Tàu không cung cấp được các bằng chứng chứng minh Tàu hoạt động có đầy đủ định biên và thuyền trưởng, máy trưởng theo quy định của pháp luật, có hành động cố ý của người đại diện/người quản lý. P luôn đồng hành với người được bảo hiểm thông qua việc hướng dẫn các thủ tục cần thiết theo quy định để người được bảo hiểm hoàn thiện để P xem xét chi trả tiền bồi thường. Tuy nhiên, thành phần hồ sơ do Chủ Tàu cung cấp không đáp ứng được các quy định. Do vậy, việc P từ chối bồi thường đối với yêu cầu của ông Vũ Hồng Q hoàn toàn khách quan, dựa trên các thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm cũng như các quy định tại các văn bản pháp luật chuyên ngành. Do đó, P đề nghị Tòa án nhân dân thành phố V tiến hành xem xét và quyết định các vấn đề sau: Đề nghị chủ tàu cung cấp được các bằng chứng chứng minh Tàu có đầy đủ định biên, thuyền trưởng, máy trưởng theo quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án làm rõ việc không liên lạc của ông C với ông Q từ thời điểm tháng 08/2011 đến tháng 7/2012 để làm sáng tỏ việc Tàu bị mất tích bởi nguyên nhân khách quan hay hành động cố ý. Nếu chủ tàu không cung cấp được yêu cầu nêu trên và Tòa án xác minh được tàu mất tích do cố ý đề nghị Tòa bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

*- Đại diện theo ủy quyền của Công ty P Phú Thọ trình bày nhất trí với ý kiến đại diện bị đơn đã nêu ở trên.*

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2018/KDTM-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố V đã quyết định:

Căn cứ Điều 12, 13, 14, 17, 18 luật kinh doanh bảo hiểm; Khoản 1 Điều 29 luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004, sửa đổi bổ sung năm 2014; Khoản 1 Điều 5 thông tư số: 04/2017/TT – BGTVT ngày 20/01/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số: 47/2015/TT – BGTVT ngày 14 tháng 9 năm 2015 của bộ trưởng bộ giao thông vận tải quy định phạm vi, trách nhiệm của thuyền viên, người lái phương tiện và định biên an toàn tối thiểu trên phương tiện thủy nội địa; Điểm e Điều 2, khoản 1 Điều 12 quy tắc bảo hiểm tàu thủy nội địa. Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban th- ờng vụ quốc hội.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Hồng Q về việc đề nghị Tổng công ty P. Buộc Tổng công ty P thực hiện trách nhiệm bồi thường số tiền bảo hiểm là 504.000.000đ (Năm trăm linh bốn triệu đồng) theo giấy chứng nhận bảo hiểm tàu thủy nội địa số: 10/PTH/ĐHU/139 ngày 18/11/2010.

Bản án còn tính án phí, lãi suất chậm trả và tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu, thỏa thuận thi hành án.

Ngày 23/11/2018, Tổng công ty P (sau đây gọi tắt P) có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét toàn bộ nội dung vụ án theo trình tự phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Hồng Q do không cung cấp được tài liệu theo quy tắc bảo hiểm.

Tại phiên tòa phúc thẩm P vẫn giữ nguyên toàn bộ nội dung kháng cáo.

*Tại phiên tòa phúc thẩm Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và nguyên đơn*: đề nghị thay đổi thẩm phán chủ tọa phiên tòa với lý do thẩm phán gửi giấy báo cho ông Q không gửi giấy báo cho luật sư của ông Q việc luật sư biết đến phiên tòa là do ông Q thông báo, chủ tọa hoãn phiên tòa nhiều lần, tự đi thu thập tài liệu cứ nên không vô tư khách quan trong quá trình giải quyết. Về quan điểm vụ án như quan điểm đã trình bày ở cấp sơ thẩm. Ông Q và luật sư đề nghị cấp phúc thẩm bác đơn kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- *Phía đại diện theo ủy quyền và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày nội dung quan điểm như đã trình bày tại cấp sơ thẩm:* việc cấp sơ thẩm nhận định và cho rằng sà lan bị mất tích và buộc P phải có nghĩa vụ bồi thường là chưa đủ căn cứ pháp lý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú thọ tham gia phiên toà có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và hội đồng xét xử, thư ký phiên toà khi giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đơn kháng cáo của đương sự đúng hạn luật định.Hội đồng xét xử đã xét xử đúng nguyên tắc, các bên đương sự đều thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm chấp nhận một phần đơn kháng cáo, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Hồng Q, buộc tổng công ty P bồi thường cho ông Vũ Hồng Q số tiền 175.000.000đ ( Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng chẵn).

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hạn kháng cáo:

Nguyên đơn ôngVũ Hồng Q khởi kiện Tổng công ty P phát sinh từ Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu thủy nội địa số: 10/PTH/ĐHU/139 ngày 18/11/2010 là tranh chấp "*hợp đồng bảo hiểm*". Mặc dù, địa chỉ trụ sở của bị đơn tại tầng 21, 22 Tòa nhà M, số 229, phố T, quận Đ, TP. Hà Nội nhưng tranh chấp phát sinh từ hoạt động của chi nhánh P là Công ty P Phú Thọ có địa chỉ: số nhà 2094, đại lộ H, phường N, TP.V, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ giải quyết là đúng thẩm quyền phù hợp với điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Xét đơn kháng cáo của Tổng công ty P trong hạn luật định, hợp lệ được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về đề nghị thay đổi thẩm phán của Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và nguyên đơn*:*

Xét thấy, sau khi vụ án tạm đình chỉ, quá trình giải quyết Tòa án cấp phúc thẩm đã gửi giấy báo phiên tòa cho luật sư T được bưu điện xác nhận đã báo thành công trong các ngày 12/9/2019, 17/9/2019, 20/8/2019. Việc hoãn phiên tòa được căn cứ theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác, tại phiên tòa ngày 15/10 và ngày 29/10/2019, ông T luật sư đều có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự. Do vậy hội đồng xét xử xét thấy đề nghị thay đổi thẩm phán không có căn cứ để chấp nhận.

**[3]**Về nội dung:

[3.1] Ngày 18/11/2010, tại chi nhánh Công ty P Phú Thọ. Ông Vũ Hồng Q đã ký hợp đồng bảo hiểm với công ty cổ phần P và được cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu thủy nội địa số: 10/PTH/ĐHU/139 ngày 18/11/2010, theo thỏa thuận điều kiện bảo hiểm là điều kiện A - MRR quy tắc bảo hiểm tàu thủy nội địa P 2006, bảo hiểm thân tàu, loại tàu: Chở hàng khô, vật liệu đóng: thép,trọng tải toàn phần 156 tấn, số đăng ký: PT – 0967, **số tiền bảo hiểm 550.000.000đ VNĐ**, thời hạn bảo hiểm: từ 00 giờ 00 ngày 18/11/2010 đến 24 giờ 00 ngày 18/11/2011, phí bảo hiểm thân tàu: 12.870.000đ, thuế VAT: 1.287.000đ, mức khấu trừ: 2% STBT/VTT, tối thiểu: 1.000.000đ VNĐ, người được bảo hiểm: ông Vũ Hồng Q. Xét thấy Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu thủy nội địa là bằng chứng giao kết hợp đồng bảo hiểm giữa ông Q và P để phát sinh quyền và nghĩa vụ bồi thường khi phát sinh tranh chấp.

[3.2] Về sự kiện pháp lý sà lan mất tích để phát sinh tranh chấp,

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xác định theo giấy thỏa thuận ngày 7/11/2010 (đã được giám định kết luận chữ viết trên giấy là của ông C) ông Q đã cho ông Nguyễn Đình C thuê chiếc xà lan máy có số đăng ký PT-0967 để kinh doanh chở cát, thời hạn thuê 01 năm. Theo trình bày của ông Q: ngày 10/8/2011, sau khi lấy cát sỏi ông C đã yêu cầu ông Q đưa bản phô tô giấy chứng nhận đăng ký phương tiện và bản phô tô giấy chứng nhận ATKT và BVMT sà lan máy để ông C mang theo phương tiện. Đến ngày 13/8/2011, ông Q không liên lạc được được với ông C. Ông Q cùng gia đình đi tìm ông C và sà lan máy ở nhiều nơi nhưng không tìm thấy. Vì vậy, ông Q làm đơn đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã có kết luận điều tra đối với đơn của ông Q, sau đó Ông Q làm thủ tục tuyên bố mất tích đối với ông C. Xét thấy, kết luận điều tra của Công an huyện Đ chỉ xác định hiện ông C không có mặt ở địa phương nên không đủ căn cứ khởi tố. Quyết định tuyên bố ông C mất tích không đồng nghĩa với việc sà lan mất tích. Đến nay không tìm thấy sà lan có nhiều lý do có thể xảy ra: do mất tích, cũng có thể bị đem bán như lời khai của anh Nguyễn Hữu S (D) về việc được nghe người khác nói lại thấy ông C bán tàu ở Hải Dương… hoặc vì lý do nào khác. Mặt khác, quá trình giải quyết Tòa án cấp sơ thẩm đã không yêu cầu ông Q cung cấp, cũng như tòa án thu thập các tài liệu chứng cứ, người làm chứng chứng minh ông Q đã đi nhiều nơi tìm kiếm như ông Q đã khai, hoặc chứng cứ chứng minh ngày 13/8/2011 là ngày cuối cùng ông Q gặp ông C lấy hàng và ông Q đưa giấy tờ cho ông C. Như vậy, Tòa án nhân dân thành phố V mới chỉ căn cứ vào lời

khai duy nhất của ông Q để cho rằng sà lan bị mất tích để buộc P bồi thường cho Ông Vũ Hồng Q là chưa có cơ sở vững chắc.

[3.3] Về căn cứ buộc bồi thường và áp dụng pháp luật:

Tại khoản 1 Điều 29 Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004, sửa đổi bổ sung năm 2014 và khoản 1 Điều 5 thông tư số 47/2015/TT – BGTVT ngày 14/9/2015 của Bộ giao thông vận tải quy định: Chủ phương tiện phải tuân thủ luật giao thông đường thủy nội địa, phải có trách nhiệm bố trí đủ các chức danh, định biên thuyền viên làm việc trên phương tiện và lập danh bạ thuyền viên theo quy định. Như vậy, ông C chỉ là người thuê sà lan PT–0967 của ông Q nên việc bố trí đủ các chức danh, định biên thuyền viên làm việc trên phương tiện và lập danh bạ thuyền viên thuộc trách nhiệm của ông Q chủ phương tiện (chủ sà lan). Theo quy định tại Điều 91 BLTTDS ông Q là nguyên đơn phải có nghĩa vụ cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh yêu cầu của mình là hợp pháp nên cần phải có nghĩa vụ cung cấp tên tuổi địa chỉ của các thuyền viên để xác định tại thời điểm được cho là sà lan mất tích những người này có bằng thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên để làm điều kiện đảm bảo không nằm trong quy định điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm.

Căn cứ vào giấy chứng nhận bảo hiểm tàu thủy nội địa giữa ông Q và công ty bảo hiểm cho thấy đây là hợp đồng bảo hiểm tài sản được điều chỉnh bằng Luật kinh doanh bảo hiểm, Luật thương mại và các luật khác.

Điều 41,42, 43 Luật kinh doanh bảo hiểm quy định: "Số tiền bảo hiểm" là số tiền mà bên mua bảo hiểm yêu cầu bảo hiểm cho tài sản đó, khi giao kết hợp đồng tài sản trên giá trị hoặc dưới giá trị của hợp đồng,trong trường hợp có sự kiện bảo hiểm Doanh nghiệp bảo hiểm chỉ chịu trách nhiệm bồi thường không vượt quá giá thị trường của tài sản được bảo hiểm. Về căn cứ bồi thường, Điều 46 Luật kinh doanh bảo hiểm quy định doanh nghiệp bảo hiểm chỉ phải có nghĩa vụ bồi thường giá trị thực tế thời điểm xảy ra tổn thất, không vượt quá giá thị trường của tài sản được bảo hiểm. Căn cứ vào giấy chứng nhận bảo hiểm tại thời điểm ký kết ngày 18/11/2010 giá trị thực tế thân tàu là: 550.000.000đ. Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, ông Q trình báo mua sà lan với giá: 315.000.000đ, sau đó làm thủ tục đăng ký năm 2007. Theo kết quả định giá ngày 15/02/2012 của hội đồng định giá do Công an huyện Đ thành lập tại thời điểm mất tích sà lan có trị giá 250.000.000đ. Như vậy, cho thấy giá trị con tàu có những bất nhất, thời điểm sau khi mua, sử dụng có giá trị cao hơn thời điểm mua, nhưng chưa được cấp sơ thẩm xem xét đánh giá. Như đã phân tích trên, theo Luật kinh doanh bảo hiểm để xác định số tiền mà doanh nghiệp bảo hiểm phải bồi thường, nếu các đương sự không tự thỏa thuận thống nhất được giá theo quy định của pháp luật thì cần phải định giá xác định trị giá đối với chiếc sà lan tại thời điểm ký kết hợp đồng bảo hiểm và tại thời điểm xảy ra thiệt hại thì mới có thể đánh giá quyết định đảm bảo đúng luật. Xong, khi giải quyết Tòa án nhân dân thành phố V đã không căn cứ vào Điều 46 Luật kinh doanh bảo hiểm quy định về căn cứ bồi thường để quyết định bồi thường và không tiến hành định giá, mà căn cứ vào "Số tiền bảo hiểm" là số tiền mà bên mua bảo hiểm yêu cầu bảo hiểm cho tài sản được ghi trong hợp đồng. Tại cấp phúc thẩm có thu thập được kết quả định giá trị giá thiệt hại của con tàu tại thời điểm xảy ra của

hội đồng định giá do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ thành lập. Tại phiên tòa phúc thẩm phía bị đơn đồng ý kết quả định giá này, phía nguyên đơn cho rằng kết quả định giá này không theo quy trình tố tụng dân sự, không có giá trị về mặt pháp lý nên không đồng ý và cũng không đề nghị định giá. Như vậy cho thấy, các đương sự không thỏa thuận được trị giá của sà lan tại thời điểm xảy ra tổn thất, do cấp sơ thẩm chưa định giá làm căn cứ giải quyết, trong phạm vi giải quyết của mình cấp phúc thẩm không xem xét để giải quyết được.

Như vậy, về căn cứ bồi thường Tòa án nhân dân thành phố V đã không căn cứ vào Điều 46 Luật kinh doanh bảo hiểm để buộc phía bị đơn bồi thường là chưa đúng các quy định của pháp luật. Mặt khác đây là vụ án kinh doanh thương mại nhưng khi tuyên về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì cấp sơ thẩm không áp dụng Luật thương mại mà áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Từ những phân tích trên thấy rằng cấp sơ thẩm áp dụng không đúng căn cứ pháp luật,chưa tiến hành định giá, chưa thu thập đầy đủ các tài liệu chứng cứ để đánh giá khách quan toàn diện làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của các đương sự mà cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung và khắc phục được. Vì vậy cần tuyên hủy toàn bộ bản án để chuyển về Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục giải quyết lại theo quy định.

Ngoài ra, cấp phúc thẩm thấy rằng quá trình thu thập, yêu cầu cung cấp chứng cứ, đưa người tham gia tố tụng của cấp sơ thẩm còn chưa đầy đủ thiếu các tài liệu chứng cứ quan trọng như không yêu cầu ông Q cung cấp tài liệu gốc là bản thỏa thuận giữa ông Q, với ông C là căn cứ duy nhất xác định ông Q giao sà lan cho ông C dẫn đến việc ông Q cho rằng sà lan mất tích, không yêu cầu cung cấp chứng cứ để xác định người đại diện theo pháp luật của bị đơn, hoặc triệu tập bà H là vợ ông Q đến để làm rõ sà lan thuộc quyền sử hữu chung vợ chồng hay của riêng ông Q. Mặt khác, Tổng công ty P theo giấy phép điều chỉnh số 67 ngày 25/3/2013 *có tên giao dịch là Tổng công ty bảo hiểm P, cấp sơ thẩm không ghi tên giao dịch của Tổng công ty P nhưng trong nội dung và phần nhận định ghi tên công ty bảo hiểm P*. Những nội dung này đã được cấp phúc thẩm khắc phục nhưng cần rút kinh nghiệm đối với cấp sơ thẩm  để giải quyết trong các vụ án khác.

Quá trình giải quyết thấy rằng khi ký kết hợp đồng, doanh nghiệp bảo hiểm còn chưa có quy định cụ thể về thủ tục xác định trị giá tài sản khi ký kết bảo hiểm nên cấp sơ thẩm cần có kiến nghị đối với nội dung này.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: do vụ án bị hủy nên Tổng công ty P (Tổng công ty bảo hiểm P) là người kháng cáo không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 308, khoản 1 điều 310 BLTTDS;

[1] Hủy toàn bộ bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2018/KDTM-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ về việc *"Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm"* giữa nguyên đơn: Ông Vũ Hồng Q với bị đơn: Tổng công ty P.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân  thành phố V, tỉnh Phú Thọ giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[2] Về án phí:  Tổng công ty P (Tổng công ty bảo hiểm P) không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Đối với số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm, phúc thẩm các đương sự đã nộp được giải quyết sau.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND TP V;
- THADS TP V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Thuỳ Hương**